TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HS-PT
Ngày: 17/03/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Vân – Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh T5– Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Hùng C, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D, Lê Trường A do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Minh N là ông Phan Minh C1, đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Chí K là bà Trương Thị Bích H, đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Tấn S là bà Phạm Thị Cúc H1và kháng cáo của bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Hữu H2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hùng C; sinh ngày 08 tháng 7 năm 2006 tại tỉnh Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 15 tuổi 03 tháng 11 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1982 và bà Võ Thị Tuyết T3, sinh năm 1986; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- Người đại diện của bị cáo Nguyễn Hùng C: Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1982 và bà Võ Thị Tuyết T3, sinh năm 1986. Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Đều có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Hùng C:* Ông Nguyễn Hương Quê – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2. Phạm Tấn S; sinh ngày 19 tháng 9 năm 2005 tại tỉnh Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 01 tháng); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Phạm Đình H3, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị Cúc H1, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Phạm Tấn S:* Ông Phạm Đình H3, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị Cúc H1, sinh năm 1979. Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Đều có mặt;

- *Người bào chữa của bị cáo Phạm Tấn S:* Bà Trần Thị Như Thuỷ – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

3. Phạm Chí K; sinh ngày 09 tháng 3 năm 2006 tại: Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 15 tuổi 07 tháng 10 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Phạm Huỳnh C3, sinh năm 1980 và bà Trương Thị Bích H, sinh năm 1986; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Phạm Chí K:* Ông Phạm Huỳnh C3, sinh năm 1980 và bà Trương Thị Bích H, sinh năm 1986. Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Đều có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo Phạm Chí K:* Ông Nguyễn Hương Quê – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

4. Phan Minh N; tên gọi khác "Chuột Em"; sinh ngày 21 tháng 10 năm 2006 tại: Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 14 tuổi 11 tháng 28 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Phan Minh C1, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Hồng A1, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Phan Minh N:* Ông Phan Minh C1, sinh năm 1973 (vắng mặt) và bà Phạm Thị Hồng A1, sinh năm 1974 (có mặt). Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên;

- *Người bào chữa của bị cáo Phan Minh N:* Ông Nguyễn Thanh Mận – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

5. Nguyễn Văn N1; sinh ngày 03 tháng 6 năm 2006 tại: Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 15 tuổi 04 tháng 16 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Nguyễn Văn N1:* Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1973 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978 (Có mặt). Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên;

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn N1:* Bà Trần Thị Như Thuỷ – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

6. Lê Anh T; sinh ngày 22 tháng 6 năm 2006 tại: Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 15 tuổi 03 tháng 27 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Lê Q, sinh năm 1981 và bà Ngô Thị CV, sinh năm 1982; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại,

- *Người đại diện của bị cáo Lê Anh T:* Ông Lê Q, sinh năm 1981 (vắng mặt) và bà Ngô Thị CV, sinh năm 1982 (có mặt). Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên;

- *Người bào chữa của bị cáo Lê Anh T:* Ông Trần Hải Lâm – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

7. Lê Trần Nhật T1; sinh ngày 02 tháng 10 năm 2005 tại: Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 17 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12, Con ông Lê Văn H4, sinh năm 1971 và bà Trần Thị K1, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Lê Trần Nhật T1:* Ông Lê Văn H4, sinh năm 1971 (vắng mặt) và bà Trần Thị K1, sinh năm 1975 (có mặt). Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên;

- *Người bào chữa của bị cáo Lê Trần Nhật T1:* Ông Nguyễn Thanh Mận – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

8. Đoàn Dăng D; tên gọi khác: "Chỏm'; sinh ngày 30 tháng 11 năm 2004 tại: Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 tháng 19 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông Đoàn VT, sinh năm 1970 và bà Lê Thị KC, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Đoàn Dăng D:* Ông Đoàn VT, sinh năm 1970 (vắng mặt) và bà Lê Thị KC, sinh năm 1975 (có mặt). Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên;

- *Người bào chữa của bị cáo Đoàn Dăng D:* Ông Ngô Thiên Phương – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

9. Lê Trường A; sinh ngày 14 tháng 8 năm 2005 tại: Phú Yên (Khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 02 tháng 05 ngày); Nơi cư trú: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Lê TS, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị TL, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Lê Trường A:* Ông Lê TS, sinh năm 1965 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị TL, sinh năm 1972 (có mặt). Đều trú tại: Khu phố TS, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên;

- *Người bào chữa của bị cáo Lê Trường A:* Ông Ngô Thiên Phương – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

**** Bị hại:*** Anh Trần Quốc T4, sinh ngày 12/8/2006. Địa chỉ: Thôn H, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

- *Người đại diện của người bị hại Trần Quốc T4:* Ông Trần Hữu H2, sinh năm 1976 và bà Đỗ Thị TT, sinh năm 1980. Đều trú tại: Thôn H, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên; Đều có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại Trần Quốc T4:* Ông Phạm Hồng Phúc – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 19/10/2021, Nguyễn Hùng C sinh ngày 08/7/2006, Phạm Tấn S sinh ngày 19/9/2005, Phạm Chí K sinh ngày 09/3/2006, Lê Anh T sinh ngày 22/6/2006, Đoàn Dăng D sinh ngày 30/11/2004, Phan Minh N sinh ngày 21/10/2006, Lê Trần Nhật T1 sinh ngày 02/10/2005 và Lê Trường A sinh ngày 14/8/2005 cùng ngồi chơi tại quán bị da của ông BT tại Khu phố TS. C lấy lý do trước đây nhóm của C bị thanh niên xã ĐBT đánh, nên C rủ cả nhóm đi tìm đánh nhóm thanh niên xã ĐBT, nghe C nói cả nhóm cùng nhất trí. Rồi C nói D chở A xuống nhà Nguyễn Văn N1, sinh ngày 03/6/2006 ở Khu phố TS để lấy vỏ chai bia và rủ N1 đi cùng, trên đường đi đến nhà N1, A gọi điện thoại cho N1 chuẩn bị

sẵn vỏ chai bia bằng thủy tinh để đi đánh thanh niên xã ĐBT, rồi D chở A chở N1 cầm theo 03 vỏ chai bia bằng thủy tinh đến chỗ nhóm của C đang chờ tại ngã tư Khu phố TS. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78L1- 168.02 (xe mô tô do bà Trần Thị K1 đứng tên chủ sở hữu) chở S ngồi sau cầm 01 vỏ chai bia bằng thủy tinh, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78AL- 012.40 (xe mô tô do anh Trần TT đứng tên chủ sở hữu) chở T ngồi sau cầm 01 vỏ chai nước khoáng bằng thủy tinh do C lấy tại quán ông BT đưa cho T, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78L1- 187.10 (xe mô tô do bà Nguyễn Thị TL đứng tên chủ sở hữu) chở A ngồi giữa cầm một hòn đá (không xác định kích thước), N1 ngồi sau cầm 01 vỏ chai bia bằng thủy tinh, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78AM-000.32 (xe mô tô do bà Phạm Thị Hồng A1 mua lại của nhưng chưa sang tên) chở K ngồi sau cầm 01 vỏ chai bia bằng thủy tinh cùng đi qua xã ĐBT, trên đường đi An ném hòn đá lại bên đường. Khi nhóm của C đi đến trước quán T thuộc thôn H, xã ĐBT thì không thấy nhóm thanh niên nào nên nhóm của C quay xe lại định đi về, trên đường đi đến trước nhà văn hóa thôn H. Lúc này khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, nhóm của C thấy có 03 thanh niên đi trên 02 xe mô tô chạy ngược chiều, Sang nói "tụi nó kìa đuổi theo" nên cả nhóm liền quay xe lại đuổi theo đến trước quán T thì gặp nhóm thanh niên xã ĐBT gồm: Đặng Minh L4 sinh năm 2005 điều khiển xe mô tô chở Trần Quốc T4 sinh ngày 12/8/2006 ngồi sau, Giáp Văn Mỹ, sinh năm 2005 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn TD, sinh năm 2006 ngồi sau, Đặng PT, sinh năm 2006 điều khiển xe mô tô đi một mình cũng đang rẽ vào quán, lập tức nhóm của C dùng vỏ chai bia, chai nước khoáng bằng thủy tinh ném vào nhóm của L4, S dùng vỏ chai bia bằng thủy tinh ném trúng vào đầu của Trần Quốc T4 gây thương tích và được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên.

Kết luận giám định số 388/TgT ngày 10/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên, kết luận: tại thời điểm giám định thương tích của Trần Quốc T4 là 55 %, bị tác động bởi vật tày. Tại các bút lục: (Từ 83 - 100, 108, 113 - 118, 141 - 273, 402 - 475).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên đã tuyên các bị cáo Nguyễn Hùng C, Lê Trường A, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự; phạt các bị cáo: Nguyễn Hùng C 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù; Lê Trường A 02 (Hai) năm 07 (Bảy) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo thi hành án. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự; phạt các bị cáo Phạm Tấn S 03 (Ba) năm tù; Phạm Chí K 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù; Phan Minh N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; Nguyễn Văn N1 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù; Lê Anh T 01 (Một) năm 09

(Chín) tháng tù; Lê Trần Nhật T1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù; Đoàn Dăng D 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2022 và ngày 16/12/2022, bị hại Trần Quốc T4 và đại diện hợp pháp kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo Nguyễn Văn N1 được hưởng án treo; Ngày 08/12/2022, bị cáo Phan Minh N và đại diện hợp pháp là ông Phan Minh C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo; các bị cáo Đoàn Dăng D, Nguyễn Hùng C, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Trần Nhật T1 kháng có xin được hưởng án treo. Ngày 12/12/2022 bị cáo Phạm Chí K và đại diện hợp pháp là bà Trương Thị Bích H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo Phạm Tấn S và đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị Cúc H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngày 13/12/2022, bị cáo Lê Trường A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 14/12/2022, bị cáo Nguyễn Văn N1 bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Riêng bị cáo Lê Trần Nhật T1 bổ sung nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, Người bị hại anh Trần Quốc T4 khẳng định không có kháng cáo bản án sơ thẩm, sau khi xem nội dung đơn kháng cáo có tại hồ sơ vụ án, anh T4 khẳng định chữ ký trong đơn kháng cáo không phải là của mình. Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Hữu H2 rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bà Trương Thị Bích H, bà Phạm Thị Cúc H1và ông Phan Minh C1, giữ nguyên án sơ thẩm. Riêng đối với bị cáo Lê Trường Ađề nghị HĐXX áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự - Sửa án sơ thẩm, phạt bị cáo Lê Trường A 02 năm 07 tháng tù. Đề nghị HĐXX, căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Hữu H2.

* Người bào chữa cho các bị cáo trình bày:

- Người bào chữa cho bị cáo C và K – Luật sư Nguyễn Hương Quê trình bày: Đề nghị cho bị cáo K được hưởng án treo, giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Vì bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ly hôn nên bị cáo thiếu sự chăm sóc giáo dục; bị cáo K đang là học sinh lớp 11, cả hai bị cáo đã bồi thường đủ cho người bị hại theo quy định của Bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo S và bị cáo N1 – Luật sư Trần Thị Như Thuỷ trình bày: Đề nghị mức án nhẹ hơn mức Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo S

và đề nghị cho bị cáo N1 được hưởng án treo. Vì sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã bồi thường đủ cho bị hại. bị cáo N1 không phải là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại, các bị cáo đều là người chưa thành niên nên nhận thức có phần hạn chế, chưa hoàn thiện.

- Người bào chữa cho bị cáo N và T1 – Luật sư Nguyễn Thanh Mận trình bày: Đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo vì các bị cáo có nhân thân tốt, hành vi phạm tội của bị cáo N và bị cáo T1 không có tính chất côn đồ nên đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Người bào chữa cho bị cáo T – Luật sư Trần Hải Lâm trình bày: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã bồi thường đủ thiệt hại cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm; Nhận thức của bị cáo còn hạn chế chưa hoàn thiện, bị cáo là người giúp sức, có nhân thân tốt nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo D và A – Luật sư Ngô Thiên Phương trình bày: Mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng là quá cao so với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại – Luật sư Phạm Hồng Phúc trình bày: Các bị cáo vô cớ gây thương tích cho bị hại nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo là đúng. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến thể chất, tinh thần của bị hại. Tuy N1, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Giữa các bị cáo và bị hại trước đó không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng vào khoảng 21 giờ 50 phút ngày 19/10/2021, tại quán Tở thôn H, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên, các bị cáo Nguyễn Hùng C, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D và Lê Trường A đã dùng chai bia, chai nước khoáng bằng thuỷ tinh ném vào nhóm của Trần Quốc T4. Hậu quả Trần Quốc T4 bị Phạm Tấn S dùng chai bia bằng thuỷ tinh ném trúng vào đầu gây thương tích với tỉ lệ 55%. Tuy tỉ lệ thương tích của bị hại Trần Quốc T4 chưa đến 61% nhưng các bị cáo đã dùng chai bia, chai nước khoáng bằng thuỷ tinh (là hung khí nguy hiểm), gây thương

tích cho bị hại khi bị hại chưa đủ 16 tuổi và hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ, nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo Điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hùng C, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D, Lê Trường Avà kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Minh N là ông Phan Minh C1, đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Chí K là bà Trương Thị Bích H, đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Tấn S là bà Phạm Thị Cúc H1, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khoẻ của người khác, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo phạm tội với ba tình tiết định khung quy định tại Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, áp dụng đúng các quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng quy định tại Điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hùng C và Lê Trường A đó là "xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Minh N là ông Phan Minh C1, đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Chí K là bà Trương Thị Bích H, đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Tấn S là bà Phạm Thị Cúc H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho các bị cáo được hưởng án treo, nhưng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các bị cáo Phan Minh N, Phạm Chí K, Phạm Tấn S - giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[3] Tại phiên toà, bị hại là anh Trần Quốc T4 khẳng định không có kháng cáo bản án sơ thẩm, sau khi xem nội dung đơn kháng cáo có tại hồ sơ vụ án, anh Toản khẳng định chữ ký trong đơn kháng cáo không phải là của mình. Do đó, HĐXX không xét giải quyết.

[4] Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Hữu H2 rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Hữu H2.

[5] Các bị cáo Nguyễn Hùng C, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D và Lê Trường A kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356, Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Hữu H2(Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Quốc T4).

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hùng C, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D và Lê Trường Avà kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các bị cáo Phan Minh N, Phạm Chí K và Phạm Tấn S – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hùng C, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D, Lê Trường A phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hùng C và Lê Trường A. Xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Hùng C** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo **Lê Trường A** 02 (Hai) năm 07 (Bảy) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1 và Đoàn Dăng D. Xử phạt:

+ Bị cáo **Phạm Tấn S** 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo **Phạm Chí K** 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo **Phan Minh N** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo **Nguyễn Văn N1** 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo **Lê Anh T** 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo **Lê Trần Nhật T1** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo **Đoàn Dăng D** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UĐBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Hùng C, Phạm Tấn S, Phạm Chí K, Phan Minh N, Nguyễn Văn N1, Lê Anh T, Lê Trần Nhật T1, Đoàn Dăng D và Lê Trường A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện SH (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- VKSND huyện SH (1);
- Công an huyện SH (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- P.KTNV (1);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng